

# ĐẢNG BỘ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ LÃNH ĐẠO PHỐI HỢP VỚI CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH TRONG CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953 - 1954

- HỒ SƠN ĐÀI (\*)

Đảng bộ Phân liên khu miền Đông Nam Bộ thành lập tháng 5/1951 trên cơ sở tổ chức quân sự - hành chính Phân liên khu miền Đông (gồm các tỉnh Bà Chợ, Thủ Biên, Gia Ninh, Mỹ Tân Gò và Long Châu Sa) vừa được thành lập cùng thời điểm. Phân liên Khu uỷ gồm Bí thư Phạm Hùng và các uỷ viên: Nguyễn Văn Vịnh, Trần Văn Trà, Nguyễn Quang Việt, Tô Ký, Võ Văn Khánh, Phạm Hữu Lầu, Võ Phát. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam, các cấp bộ Đảng ở Phân liên khu miền Đông Nam Bộ đã tập trung lãnh đạo quân và dân tổ chức chiến trường, sắp xếp lại lực lượng, đấu tranh khắc phục những khó khăn do thiên tai địch hoạ gây ra, uốn nắn các lệch lạc trong thực hiện phương châm vùng kháng chiến và công tác tôn giáo vận, tạo nên thế và lực mới ở miền Đông Nam Bộ trước khi bước vào thời đoạn lịch sử Đông Xuân 1953-1954. Các đòn tiến công chiến lược của quân và dân ta diễn ra trên chiến trường chính trong Đông Xuân 1953-1954, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ đã tác động mạnh mẽ đến tiến trình

cuộc kháng chiến ở miền Đông Nam Bộ. Dưới sự tác động ấy, Đảng bộ miền Đông Nam Bộ đã lãnh đạo Nhân dân và lực lượng vũ trang vượt lên, thực hiện các nhiệm vụ phối hợp có hiệu quả với chiến trường cả nước, góp phần làm nên thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

## 1. Đảng bộ Đông Nam Bộ trước chiến cuộc 1953-1954

Mặc dù được sự chi viện to lớn về tiền bạc, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ<sup>1</sup>, nhưng tại chiến trường Đông Dương, đến cuối năm 1953, “Kế hoạch Navarre”<sup>2</sup> không đạt được kết quả như mong muốn. Về quân sự, Pháp buộc phải rút quân ở ạt từ Nam bộ ra chi viện cho chiến trường Bắc bộ, Trung bộ và Lào. Trên địa bàn miền Đông Nam bộ, nhiều đơn vị thuộc lực lượng cơ động tinh nhuệ được rút đi, số quân viễn chinh Pháp giảm xuống rõ rệt. Lực lượng Âu - Phi chỉ còn ba tiểu đoàn (cả ba tiểu đoàn này đều không đủ quân số, trang bị theo biên chế). Quân đội “quốc gia

(\*) Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nguyên Trưởng phòng Khoa học quân sự Quân khu 7 - Email: hosondai@yahoo.com.vn

1. Tính đến tháng 1-1954, riêng về vũ khí và phương tiện chiến tranh, Mỹ đã viện trợ cho quân Pháp ở Đông Dương 360 máy bay, 1.400 xe tăng và xe bọc thép, 390 tàu chiến và tàu quân sự, 16.000 xe quân sự các loại, 175.000 súng trường và súng máy. Trong tất cả cơ quan chỉ huy các cấp của quân đội viễn chinh Pháp đều có cố vấn Mỹ. Tính đến khi Điện Biên Phủ bị thất thủ, Mỹ đã viện trợ cho Pháp tổng cộng 1.154 tỉ Franc Pháp (FRF).
2. Kế hoạch gồm hai bước: Bước thứ nhất, từ Thu - Đông 1953 đến Xuân 1954: giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam, đồng thời tăng cường quân nguy, tập trung binh lực xây dựng một đội quân cơ động lớn; Bước thứ hai, Thu - Đông 1954: đưa toàn bộ lực lượng cơ động ra miền Bắc, chuyển sang tiến công chiến lược trên chiến trường miền Bắc, giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh.

Việt Nam” của Bảo Đại có 12 tiểu đoàn mới thành lập<sup>3</sup>, tuy nhiên, trình độ cũng như tinh thần chiến đấu của các tiểu đoàn này yếu kém. Chúng còn tăng cường trang bị vũ khí cho dân vệ để tự “bảo vệ” xóm ấp, thay dần các tiểu đoàn Việt Nam (BVN) và các đội biệt kích (commandos) rút ra cơ động. Để bù vào lỗ hổng về quân số, chính phủ Bảo Đại ban hành lệnh động viên, đẩy mạnh việc tuyển mộ, bắt lính, xây dựng gấp rút các đơn vị nguy quân và lực lượng Cao Đài, Hòa Hảo<sup>4</sup>. Ngày 12/1/1954, chính phủ Nguyễn Văn Tâm buộc phải nhường quyền cho nội các mới do Hoàng thân Bửu Lộc làm thủ tướng. Bửu Lộc triển khai hàng loạt chính sách nhằm tăng cường khả năng kiểm soát địa bàn. Tuy nhiên, với tổng quân số hiện có, địch không thể dàn trải mà phải bố trí tập trung ở các đô thị và đường giao thông quan trọng, đặc biệt xung quanh căn cứ địa kháng chiến. Nhiều đồn bót tháp canh ở vùng xa, hẻo lánh bị rút bỏ. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ trong vòng ba tháng đầu năm 1954, địch rút tổng cộng 180 đồn bót và 470 tháp canh<sup>5</sup>. Tướng Bondis - Tư lệnh quân viễn chinh Pháp tại Nam bộ - buộc phải thừa nhận: “Nguy cơ có thể mất Sài Gòn”!

Trước tình hình phát triển thuận lợi của cuộc kháng chiến trong cả nước, cuối tháng 9/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp hội nghị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Phương hướng chiến lược là tập trung lực lượng giáng những đòn tiến công lớn vào các hướng chiến lược ở Tây Bắc, Tây Nguyên, phối hợp với lực lượng bạn ở Trung Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, giải phóng thêm đất đai, đẩy mạnh hoạt động ở các chiến trường sau lưng địch, tạo điều kiện tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc bộ. Riêng với chiến trường Nam bộ, Bộ Chính trị yêu cầu Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và các phân liên khu miền Đông và miền Tây Nam bộ

“chuẩn bị lực lượng mọi mặt đón thời cơ mới”, đẩy mạnh phong trào kháng chiến một cách toàn diện hòa nhịp với chiến trường cả nước, với ba nhiệm vụ cụ thể: “1. Giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích; 2. Củng cố và mở rộng căn cứ địa; 3. Đẩy mạnh công tác địch nguy vận”<sup>6</sup>. Sang năm 1954, Ngày 4-3, Ban Bí thư gửi điện mật cho Trung ương Cục miền Nam và Phân liên khu ủy miền Đông “đề nghị Trung ương Cục tăng cường cán bộ tốt cho Sài Gòn - Chợ Lớn và giao cho Phân liên khu ủy miền Đông trực tiếp lãnh đạo chặt chẽ Sài Gòn - Chợ Lớn”<sup>7</sup> nhằm phối hợp có hiệu quả với chiến trường Bắc và Trung bộ. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các địa phương triển khai cao trào hưởng ứng cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954.

Phân liên khu ủy miền Đông Nam bộ tổ chức hội nghị quân - dân - chính - đảng tại chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh, ngày 29/12/1953). Hội nghị quán triệt chỉ thị mới của Trung ương Cục, xác định sáu nhiệm vụ thực hiện trong năm 1954 là: “1. Chấn chỉnh sự lãnh đạo, tổ chức xây dựng lực lượng và hoạt động của các tổ chức võ trang và bán võ trang (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích). 2. Chấn chỉnh công tác địch nguy vận, chống bắt lính, làm tan rã hàng ngũ địch nguy. 3. Ra sức thực hiện chính sách kinh tế tài chính của Đảng sát đúng với hoàn cảnh của Phân liên khu để thực hiện phương châm tăng gia sản xuất và bảo đảm cung cấp; thi hành chính sách ruộng đất của Đảng áp dụng cụ thể ở Nam bộ theo sách lược “dựa vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, phân biệt đối đãi với địa chủ, đánh đổ bọn địa chủ phản quốc, trung lập địa chủ lừng chùng, lôi kéo địa chủ kháng chiến và thân sĩ yêu nước tiến bộ”. 4. Tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ về mọi mặt, đẩy mạnh công tác dân vận, củng cố và phát triển mặt trận dân tộc thống nhất ở xã. 5. Tích cực xây dựng và mở rộng căn cứ

3. Riêng số mới thành lập trên cả nước trong những tháng đầu năm 1954 là 54 tiểu đoàn, trong đó tại Nam bộ là 19 tiểu đoàn, gồm cả quân đội giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, bảo vệ Thiên Chúa giáo, lực lượng biệt kích Commandos. (Theo Quân lực Việt Nam cộng hòa giai đoạn hình thành 1946-1955, Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa xuất bản 1972, tr. 209, 317).

4. Ngày 31-12-1953, Bảo Đại tổ chức lực lượng Vệ binh Nam Việt (garde du Vietnam Sud) thành 4 trung đoàn. Trong đó, Trung đoàn 3 (5 liên đội, 18 đại đội) các tỉnh miền Đông, sở chỉ huy đặt tại tỉnh lỵ Gia Định. Ngày 12-1-1954, Bộ tổng tham mưu “quân đội quốc gia” ban bố quy định: mọi thanh niên Việt Nam sinh từ 1-1-1929 đến 31-12-1933 đều phải động viên; lưu giữ tất cả quân nhân trừ bị cho đến khi có lệnh mới; cấm mọi thanh niên từ 18 đến 45 tuổi xuất ngoại; thành lập các tòa án quân sự khẩn cấp để xử những người bắt phục tùng và đào ngũ, “những bản án sau khi xử phải thi hành ngay và các bị can không có quyền kháng cáo”.

5. Bộ Tư lệnh Nam Bộ (1954), *Báo cáo tình hình địch ta 6 tháng đầu năm 1954 tại Nam bộ*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LS.54.I, tờ 6.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện quân sự của Đảng, tập 3 (1951-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 503.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 15*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.37.

địa. 6. Tiếp tục rèn luyện xây dựng tư tưởng, tích cực chuẩn bị công tác chính huấn trong năm và tập trung mọi khả năng thực hiện cho kỳ được để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sức chiến đấu của toàn quân, toàn dân trong phân liên khu”<sup>8</sup>.

Đặc khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức hội nghị tại chiến khu Tân Long (Thủ Dầu Một, ngày 23/12/1953). Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện từ tháng 10-1952 đến hết năm 1953 và đề ra nhiệm vụ năm 1954 gồm năm điểm: “1. Tăng cường cán bộ nội thành từ nguồn tại chỗ và xin trên cử về; 2. Phát động phong trào đấu tranh chính trị sâu rộng, chú ý trong tầng lớp trí thức, trung gian; 3. Chống địch tăng thuế, thu xâu, bắt lính và tăng cường hoạt động gián điệp; 4. Kện toàn lực lượng vũ trang nội thành, đẩy mạnh đấu tranh quân sự, tập trung vào phá các đồn bót tháp canh dọc đường giao thông, các cơ sở hậu cần của địch; 5. Chú trọng xây dựng căn cứ địa, liên hệ với các tỉnh Gia Định Ninh, Bà Chợ, Thủ Biên để tạo chỗ đứng chân cho các tổ chức kháng chiến và tạo sự liên hệ chặt chẽ giữa nội và ngoại thành”<sup>9</sup>.

Chủ trương mới nêu trên được tổ chức quán triệt đến từng chi bộ đảng, từng cơ quan đoàn thể kháng chiến, từng địa phương. Nhiều nội dung của chủ trương trên được giới báo chí yêu nước khéo léo đưa vào các bài viết xuất bản công khai tại Sài Gòn – Chợ Lớn. Ngay sau hội nghị quân-dân-chính-đảng Phân liên khu miền Đông, các địa phương, các cơ quan kháng chiến và đơn vị vũ trang tiến hành một đợt “chinh Đảng” rêu rộng. Trung ương Cục mở một lớp học cho cán bộ Nam bộ và một lớp học khác cho các tỉnh ủy viên, đảng ủy tiểu đoàn, phân liên khu ủy miền Đông mở nhiều lớp cho cán bộ cấp huyện, xã, đại đội vũ trang và “phát động một phong trào học tập rộng rãi”. Nội dung học tập gồm các bài giải thích chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, kiểm thảo công tác, vấn đề ý thức giai cấp, quan điểm bạn thù, lập trường “trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh, nhất định thắng lợi”. Phương pháp truyền giảng và học tập được đổi mới, lý thuyết gắn liền với thực tiễn, liên hệ kiểm thảo cá nhân thông qua công tác thực tiễn. Trong lực lượng vũ trang cũng tiến hành đợt “chinh quân” sâu rộng. Bộ đội thay phiên chiến đấu, sản xuất

và học tập chính trị, thực hành công tác dân vận, địch nguỵ vận. Kết quả đợt chinh Đảng được đánh giá là “tư tưởng phần nào tiến bộ, nội bộ đoàn kết hơn, nạn tham ô lãng phí có bớt, nạn đào ngũ ở nhiều đơn vị địa phương chấm dứt”. Quan trọng hơn, tổ chức Đảng được củng cố thêm một bước. Nhiều xã trắng trước đây nay lập được chi bộ. Số lượng đảng viên phát triển tương đối đều khắp các đơn vị, địa phương. Tại Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, các huyện ngoại thành như Hóc Môn, Gò Vấp, Trung Huyện số xã có chi bộ chiếm 82%. Tại Phân liên khu miền Đông, nêu một ví dụ ở tỉnh Bà Chợ: Toàn tỉnh có 108 xã và 2 thị xã (Vũng Tàu, Bà Rịa), có 2 chi bộ/2 thị xã, 8 chi bộ/8 xã căn cứ địa, 81 chi bộ/100 xã du kích và tạm bị chiếm. Trong Tiểu đoàn tập trung 300 của tỉnh có 6 chi bộ (thuộc 6 đơn vị: tiểu đoàn bộ, đại đội 2, đại đội 3, đại đội trợ chiến, đội trừ bị, tiểu ban sản xuất), so với đầu năm 1953 chỉ có 4 chi bộ. Các huyện, mỗi đại đội độc lập có 1 liên chi bộ, mỗi trung đội có 1 chi bộ, mỗi tiểu đội có 1 tổ đảng<sup>10</sup>.

## 2. Giữ vững và phát triển phong trào chiến tranh du kích

Đồng thời với hoạt động chinh Đảng, chinh quân, các đảng bộ ở miền Đông Nam Bộ tập trung lãnh đạo giữ vững và phát triển phong trào du kích chiến tranh. Tại vùng du kích, các đơn vị chủ lực của phân liên khu, các tiểu đoàn tập trung được chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động tác chiến, chống càn quét, tập kích tiêu diệt đồn bót địch. Ở Mỹ Tho, Nhân dân hoặc kết hợp với bộ đội hoặc độc lập tổ chức tiêu diệt bực hàng được nhiều đồn bót. Ở Thủ Biên, Gia Ninh, bộ đội tổ chức nhiều trận phục kích, diệt xe cơ giới, tàu chở hàng trên sông. Tính trong mùa khô 1953-1954, tại các vùng du kích, các lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam Bộ đã đánh 2.133 trận, tiêu diệt bực rút 197 đồn bót tháp canh; giết, làm bị thương, bắt sống tổng cộng gần 9.700 tên địch; đánh chìm 37 tàu, phá hủy 65 xe cơ giới, bắn rơi 1 máy bay, phá hoại 28 kho đạn gồm 10.000 tấn; thu 2.630 súng các loại, 8.410 lựu đạn, gần 600.000 viên đạn<sup>11</sup>. Đồng thời các tỉnh ủy chỉ đạo Nhân dân phá tế diệt ác, nâng lên thành một phong trào sâu rộng. Mặt khác các tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác củng cố và phát triển cơ sở kháng chiến, lấy cơ sở làm nòng cốt để phổ biến chính sách và lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Ở huyện

8. Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông (1953), *Báo cáo tại hội nghị quân-dân-chính-đảng Phân liên khu miền Đông Nam bộ tháng 10-1953*. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam bộ, hồ sơ 53, tr. 39.

9. Đặc khu ủy Sài - Chợ (1954), *Báo cáo gửi Trung ương Cục và Phân liên khu miền Đông về tình hình 4 tháng đầu năm 1954*, lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LSSGCL/54, tr. 4.

10. Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông (1953), *Báo cáo tình hình tổ chức năm 1953*. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam Bộ (Bà Rịa - Chợ Lớn), hồ sơ 66, tr. 90-129.

11. Bộ Tư lệnh phân liên khu miền Đông (1954), *Báo cáo tình hình tổng quát phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954)*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LS-53, tr. 5, 6, 7.

Gò Công và một phần của hai huyện Vàm Cỏ, Chợ Gạo, hệ thống cơ sở làm nông cốt vận động toàn dân đồng loạt nổi dậy đánh trống, gõ mõ, đốt đuốc phối hợp với bộ đội, du kích bao vây bức rút đồn bót, diệt tế trừ gian, phá hoại đường sá cầu cống. Gần 2 phần 3 số đồn bót ta lấy được ở các huyện này là do lực lượng quần chúng<sup>12</sup>.

Tại vùng tạm bị chiếm, các đội công tác do đảng ủy cơ sở chỉ đạo phối hợp cùng các đội vũ trang tuyên truyền tổ chức nói chuyện, phổ biến chủ trương chính sách của Chính phủ kháng chiến; phối hợp với lực lượng tại chỗ diệt tế, trừ gian, tuyên truyền chính sách đối với những gia đình không cho con em đi lính nguy. Hình thức chống bắt lính rất phong phú, lan cả vào thành phố Sài Gòn và các đô thị khác. Tính chung trong mùa khô 1953-1954, toàn miền Đông Nam bộ có 1.140 thanh niên trốn bắt lính thành công, 1.480 lượt thanh niên đấu tranh không đi tập quân sự do Pháp tổ chức<sup>13</sup>.

Kết quả các hoạt động nêu trên đã tạo ra một hình thái mới: vùng tạm bị chiếm bị thu hẹp lại, vùng du kích mở rộng hơn. Chỉ tính riêng 3 tháng cuối năm 1953, trên chiến trường miền Đông Nam bộ, ta đã chuyển thể được hàng chục xã từ tạm bị chiếm lên du kích (Bà Chợ: 2 xã, Thủ Biên: 7 xã, Gia Ninh: 10 xã, Mỹ Tho: 47 xã) và từ du kích lên vùng căn cứ, vùng giải phóng<sup>14</sup>.

### 3. Mở rộng và xây dựng đời sống mới trong căn cứ địa

Cuối năm 1953, các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam Bộ nhận được chỉ thị của Thường vụ Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ năm 1954. Chỉ thị viết: “Nam bộ kháng chiến còn lâu dài và khó khăn, rất xa chiến trường chính, nên việc củng cố và mở rộng căn cứ địa cũng là một nhiệm vụ trọng yếu, căn bản. Nam bộ hiện có ba căn cứ: Bạc Liêu và Đồng Tháp Mười là căn cứ đồng bằng, miền Đông là căn cứ rừng núi. Hướng xây dựng căn cứ của Nam Bộ là giữ vững và củng cố căn cứ Bạc Liêu và Đồng Tháp, tích cực củng cố phát triển căn cứ miền Đông... Để xây dựng căn cứ miền Đông cần nắm vững: 1- Chính sách dân tộc thiểu số. Căn cứ miền Đông có 5 vạn dân thiểu số, chiếm số Đông nhất trong căn cứ, cần phải thi hành đúng chính sách dân tộc thiểu số của Trung ương, củng cố ban vận động thiểu số hiện có, ra sức đào tạo cán bộ thiểu số. 2- Chính sách kinh tế

tự túc”<sup>15</sup>. Triển khai chỉ thị trên, Phân liên Khu ủy miền Đông ra “nghị quyết án” chuyên đề hướng dẫn nội dung công tác củng cố và mở rộng các căn cứ địa trên địa bàn phân liên khu, coi đây là nhiệm vụ “vô cùng quan trọng của chúng ta hiện nay và các cấp đảng, quân, dân chính phải thường xuyên lo lắng hàng ngày”<sup>16</sup>.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào du kích chiến tranh, hệ thống đồn bót địch bị thu hẹp lại, vùng du kích mở rộng và chuyển thể lên vùng căn cứ, hệ thống căn cứ địa ở miền Đông Nam bộ phát triển rộng. Đến giữa năm 1954, chiến khu Đ phát triển phía Nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp đường 14, Tây giáp đường 16, liên tỉnh 1A và Đông đến Tà Lài. Chiến khu Dương Minh Châu lan nối với căn cứ Định Thành, mở sang cả phía Đông sông Sài Gòn giáp với núi Cậu, phía bắc giáp biên giới Campuchia. Chiến khu Đồng Tháp Mười mở rộng phía Nam xuống sát kinh Nguyễn Văn Tiếp, phía Đông ra tới ven sông Tiền, phía Tây tới ven sông Vàm Cỏ Đông, phía bắc lên đến đường số 1. Các căn cứ khác như Xuyên Phước Cơ, rừng Sác, khu 5 Hóc Môn, Vườn Thơm Bà Vự, Long Nguyên, Thuận An Hòa, Trảng Bàn, Đồng Thành đều được mở rộng, thông nối với nhau, tạo thành một mạng lưới căn cứ địa liên hoàn, đan xen trên toàn địa bàn. Tại các căn cứ địa, Phân liên khu ủy, tỉnh ủy các tỉnh chỉ đạo củng cố xây dựng hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể mặt trận; đẩy mạnh tăng gia sản xuất (cả về nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại); xây dựng đời sống văn hóa mới, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Ngoài ra, Phân liên khu ủy còn chỉ đạo Tiểu đoàn chủ lực 302 cùng lực lượng vũ trang các tỉnh Gia Ninh, Mỹ Tho mở rộng hoạt động quân sự lên giáp vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, phối hợp với lực lượng cách mạng của bạn giải phóng nhiều vùng rộng lớn dọc Prayviêng, Kôngpôngchâm, Soài riêng, mở rộng căn cứ Đông Campuchia.

### 4. Triển khai rộng khắp công tác địch nguy vận

Cũng trong những tháng cuối năm 1953 đầu năm 1954, công tác địch nguy vận được thực hiện với quy mô lớn và nhịp độ rất khẩn trương. Từ đầu năm, các cấp ủy Đảng ở miền Đông Nam bộ tổ chức học tập chỉ thị của Trung ương về công tác địch nguy vận nội dung “Mấy

12. Bộ Tư lệnh phân liên khu miền Đông (1954), *Báo cáo tình hình tổng quát phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954)*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LS-53, tr. 5, 6, 7.

13. Bộ Tư lệnh phân liên khu miền Đông (1954), *Báo cáo tình hình tổng quát phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954)*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LS-53, tr. 5, 6, 7.

14. Bộ Tư lệnh Nam Bộ (1954), *Báo cáo kết quả hoạt động của ta trên chiến trường Nam Bộ đông xuân 1953-1954*. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam bộ, hồ sơ 573, tr. 30, 31, 32.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện quân sự của Đảng, tập 3 (1951-1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.508, 509.

16. Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông (1953), *Nghị quyết án về căn cứ địa của miền Đông Nam Bộ*. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam bộ, hồ sơ 56, tr. 3.

quan điểm cần nắm vững và một số biện pháp thực hiện”. Chỉ thị chỉ rõ: “Ở Nam bộ, địch đã dùng hầu hết là ngụy quân để chiếm đóng. Ngụy quân là bộ máy quân sự của đế quốc và bù nhìn đang chống lại kháng chiến. Muốn đối phó lại, muốn chiến thắng, ta chỉ có một cách là phải đánh tan ngụy quân, phải quyết tâm tiêu diệt ngụy quân. Mặt phải làm cho Nhân dân, chiến sĩ và cán bộ nhận rõ trong ngụy quân đa số là Nhân dân lao động, bị mê hoặc mua chuộc, bắt ép mà đấu hàng giặc. Ta có nhiều cơ hội, nhằm khả năng kêu gọi, tuyên truyền, làm cho họ tỉnh ngộ trở về với ta... Chính sách địch ngụy vận là tuyên truyền làm cho ngụy quân hiểu được lập trường dân tộc, giai cấp, kháng chiến của ta nhận được kháng chiến là chính nghĩa, làm cho họ hiểu chính sách khoan hồng của Hồ Chủ tịch và Chính phủ”<sup>17</sup>.

Vận dụng những kinh nghiệm về công tác địch ngụy vận từ nhiều năm trước, các cấp bộ Đảng chỉ đạo địa phương đơn vị mình đẩy mạnh công tác địch ngụy vận. Phong trào địch ngụy vận phát triển khắp các tỉnh Long Châu Sa, Mỹ Tho lên Gia Ninh, Thủ Biên, Bà Chợ. Chính sách địch ngụy vận được phổ biến rộng rãi với nhiều hình thức phong phú như nói chuyện, rải truyền đơn, bắc loa gọi hàng... Tại các vùng du kích, các đội công tác tổ chức hội nghị các gia đình ngụy binh, hướng dẫn họ tự đặt kế hoạch kêu gọi con em trở về, tổ chức cho tù binh học tập sau đó trở lại đơn vị hoặc vùng tạm bị chiếm kêu gọi binh lính trở về với kháng chiến. Tỉnh Mỹ Tho giáo dục và thả trên 200 tù binh. Tại Gia Ninh, vùng Suối Tre, Trà Cú và Tòa Thánh Tây Ninh, các đội vũ trang tuyên truyền nhiều lần tổ chức nói chuyện với đồng bào tín đồ Cao Đài, có lần số người nghe diễn thuyết lên đến hàng ngàn. Phong trào đào ngũ, giải ngũ lan rộng trong nhiều đơn vị ngụy binh. Tính chung trong mùa khô 1953-1954, toàn miền Đông Nam Bộ có hơn 4.000 binh sĩ ngụy bỏ ngũ, 6 đại đội, 5 trung đội tan rã không xây dựng lại được<sup>18</sup>.

### 5. “Cộng hưởng” tại Đông Nam Bộ sau Điện Biên Phủ

Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi vào ngày 7-5-1954. Từ đó đến khi lệnh ngừng bắn của Bộ

Tổng Tư lệnh được quân và dân ta thực hiện hoàn toàn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ (ngày 11-8-1945) còn 96 ngày đêm. Trong 96 ngày đêm ấy, cuộc kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam Bộ diễn ra dưới tác động sâu sắc của thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ và hiệp định Genève.

Tại Đặc khu Sài Gòn-Chợ Lớn, địa bàn phản ứng nhanh nhạy nhất với những diễn biến ở Điện Biên Phủ và Hội nghị Genève, ngay sau ngày 7-5, các báo tiếng Việt, tiếng Pháp xuất bản ở Sài Gòn đưa tin trên trang nhất thất bại thảm hại của Pháp ở Điện Biên Phủ và diễn tiến cuộc hòa đàm ở Genève. Công nhân, học sinh, tiểu thương bãi công, bãi khóa, bãi chợ hàng loạt. 400 công nhân xưởng cơ khí ASAM tổ chức bãi công. Công nhân các hãng EIFFEL, AUTOFORD, FACI, CARIC đình công hưởng ứng. Công nhân, học sinh, các nghiệp đoàn tổ chức lạc quyền ủng hộ công nhân ASAM, đến ngày 11-3, quyền góp được 24.000 đồng, 325 nhân sĩ, trí thức Sài Gòn, (trong đó có những người nổi tiếng như Kỹ sư Lưu Văn Lang, Giám đốc Pháp – Hoa Ngân hàng Nguyễn Văn Vỹ, Luật sư Trịnh Đình Thảo, Dược sĩ Trần Kim Quan, Giám đốc Việt Nam học đường Nguyễn Trường Cáo) công bố bản *Tuyên ngôn hòa bình của trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn* đòi Pháp ngừng cuộc chiến tranh xâm lược<sup>19</sup>. Cơ sở cách mạng và lực lượng kháng chiến nội thành được phục hồi, phát triển và hoạt động rộng khắp. Vang dội nhất là trận tiến công kho bom Phú Thọ Hòa. Đêm 31-5 rạng ngày 1-6, đại đội đặc công 205 bí mật đột nhập kho bom, phá hủy 10.000 tấn bom và thuốc nổ, 10 triệu lít xăng dầu, diệt gọn một đại đội lính Âu-Phi. Tiếng nổ làm rung chuyển cả thành phố, kéo dài từ 1 giờ sáng ngày 1-6 đến 16 giờ ngày hôm sau. Tinh thần quân Pháp và ngụy quân ngụy quyền Sài Gòn lung lay, có nơi bộc lộ sự rệu rã. Hệ thống đồn bốt xung quanh thành phố co rút lại. Ở vùng ngoại ô, phong trào du kích chiến tranh phát triển rầm rộ. Nhiều vùng nông thôn ở Hóc Môn, Trung Huyện, Liên Huyện, Thủ Đức, Nhà Bè được giải phóng. Các lùm du kích hình thành và lấn sâu vào trong thành phố.

Tại Phân liên khu miền Đông Nam Bộ, quân và dân tỉnh Gia Ninh (các tỉnh Gia Định, Tây Ninh

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện quân sự của Đảng, tập 3 (1951-1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 312,313.

18. Bộ Tư lệnh phân liên khu miền Đông (1954), *Báo cáo tình hình tổng quát phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954)*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LS-53, tr. 5, 6.

19. Bản Tuyên ngôn viết: “1. Xét vì tình hình thế giới đang biến chuyển một cách êm dịu, liệt cường đã đi đến chỗ đồng ý giải quyết những xung đột quốc tế bằng những phương pháp hòa bình, không khí ấy rất thuận tiện cho cuộc ngưng chiến ở Đông Dương mà dân chúng đã trải qua bao nhiêu cực khổ từ ngót 9 năm nay. 2. Xét vì nhân dân Pháp đã nhiều lần lên tiếng đòi hỏi Chính phủ Pháp chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương và cuộc đòi hỏi ấy đã gây tiếng vang mạnh mẽ ở nghị trường cùng trong giới chính phủ. 3. Xét vì nhân dân Việt Nam cũng đồng một ý nguyện như nhân dân Pháp và luôn luôn tỏ tình huynh đệ với dân tộc nước ấy. Giới trí thức Việt Nam và các giới khác của người Việt Nam ở Sài Gòn - Chợ Lớn tuyên bố nhiệt liệt hưởng ứng và ca tụng cuộc đấu tranh đòi hòa bình của nhân dân Pháp, yêu cầu Quốc hội cùng Chính phủ Pháp ra lệnh cho quân đội viễn chinh ngưng chiến ở Đông Dương để có thể tiến tới một giải pháp hòa bình có lợi cho hai dân tộc Pháp - Việt”.

cũ), nơi có chiến khu Dương Minh Châu, căn cứ địa của Trung ương Cục miền Nam, Phân liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, từ các khu tập trung của địch bung tỏa về làng cũ làm ăn, vận động bà con ở lại cùng tham gia kháng chiến và làm công tác địch, nguy vận. Đa số đồng bào tin đồ Cao Đài hiểu rõ chính sách tôn giáo của Chính phủ cụ Hồ, phấn khởi trước những thắng lợi của kháng chiến và nhiệt tình tham gia cách mạng. Nội bộ quân đội Cao Đài lung củng. Hàng loạt binh lính không phục tùng chỉ huy, bỏ ngũ về nhà làm ăn, 10 đại đội Cao Đài không bị đánh mà tự tan rã. Quân và dân tỉnh Thủ Biên (các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa cũ) đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền ở vùng du kích và tạm bị chiếm, diệt tề, trừ gian, hạ đồn bót địch, tổ chức hàng trăm cuộc diễn thuyết về thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ và Hội nghị Genève. Đặc biệt, ngày 1-6, Tiểu đoàn 303 cùng bộ đội huyện Châu Thành tiến công diệt đồn Cầu Định, diệt và bắt sống toàn bộ đội Commandos gồm 147 tên, thu 135 súng và 9 tấn đạn các loại, làm tê liệt khả năng kiểm soát của địch trên một vùng đất rộng lớn dọc Quốc lộ 13 phía bắc thị xã Thủ Dầu Một. Các đại đội bộ đội địa phương thừa thắng liên tiếp tiêu diệt các đồn Bến Tranh, Cây Trắc,... Quân và dân tỉnh Bà Chợ (các tỉnh Bà Rịa, Chợ Lớn cũ), Tiểu đoàn 300 cùng bộ đội địa phương huyện Long Đất vây uy hiếp đồn Con Ó, tiêu diệt đồn Hàng Dương, đồn Cây Rỏi, đồn Long Tân, mở rộng khu du kích Minh Đạm, phá rã khu đồn dân, giải phóng nhiều xã ấp. Các đội đặc công nước Rừng Sác tích cực cắt chặn sông Lòng Tàu, con đường thủy huyết mạch nối Sài Gòn với biển Đông. Chæ trong hai tháng 6 và 7, lực lượng đặc công đã bắn chìm 3 tàu chiến chở đầy lính Pháp. Quân và dân tỉnh Mỹ Tân Gò (các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công cũ), Nhân dân Gò Công mở đợt tấn công hạ đồn bót địch đợt 3, bắt 400 tù binh, phá rã toàn bộ bộ máy tề nguy. Nhân dân Châu Thành giải phóng 2/3 số xã trong huyện. Nhân dân Chợ Gạo bức rút 90 trong số 96 đồn bót ở huyện. Nhân dân Mộc Hóa diệt hàng loạt đồn bót ở Bà Thu, Sóc Nóc, Sầm Rông, Châu Rà, Tà Nót, mở rộng vùng giải phóng ở dọc khu vực đường biên giới với Campuchia. Gần 40 đồn bót do lính Hòa Hảo đóng giữ tự rút bỏ. Công tác địch, nguy vận ở đây phát triển mạnh mẽ và thu được hiệu quả cao nhất so với các tỉnh khác ở miền Đông Nam Bộ.

Tiểu đoàn chủ lực của Phân liên khu miền Đông 302 cơ động sang chiến trường Campuchia thực hiện nhiệm vụ quốc tế, phối hợp với quân và dân các tỉnh Prey Veng, Svay Rieng, Kampong Cham xây dựng cơ sở cách mạng, phát triển chiến tranh du kích và đẩy mạnh tác chiến tiêu diệt địch. Chỉ trong vòng 3 tháng 4, 5, 6 năm 1954, Tiểu đoàn đã cùng với quân và dân địa phương giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở phía Đông Campuchia. Hoạt động của Tiểu đoàn càng thắt chặt thêm mối tình đoàn

kết chống kẻ thù chung của quân đội và Nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia.

\*

Mười ngày sau khi Hiệp định Genève được ký kết, đoàn cán bộ của Bộ Tổng Tham mưu vào Nam Bộ truyền đạt lệnh ngừng bắn đáp xuống sân bay Dầu Tiếng. Từ ngày 31-7 đến ngày 2-8-1954, quân và dân miền Đông Nam Bộ đã nhận được thư hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và lệnh ngừng bắn của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, bắt đầu từ 6 giờ ngày 11-8-1954, lệnh ngừng bắn thực sự có hiệu lực. Tiếng súng kháng chiến ngừng hẳn. Như vậy, ngay sau ngày kết thúc toàn thắng chiến dịch Điện Biên Phủ và ngày ký Hiệp định Genève, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược chưa kết thúc ở chiến trường miền Đông Nam Bộ. Xét cục bộ, nó chỉ đánh dấu sự bắt đầu giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến, ở đó, cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn và máu vẫn tiếp tục đổ. Kẻ thù dẫu đã suy yếu vẫn ngoan cố phát triển lực lượng, ngoan cố bảo giữ kết quả bình định và các vị trí quan yếu cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam.

Miền Đông Nam bộ, trong đó có thành phố Sài Gòn, là chiến trường trọng điểm trong chiến lược bình định của thực dân Pháp, nơi chúng thực hiện tập trung nhất chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Do đặc điểm về vị thế, địa hình và sự thuận tiện trong hệ thống đường giao thông (thủy, bộ, sắt, hàng không), Đông Nam bộ là chiến trường nhạy cảm, nơi mọi diễn biến dù nhỏ đều nhanh chóng được tiếp nhận và lan tỏa, tác động đến tiến trình chung. Trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, Đảng bộ Phân liên khu miền Đông Nam Bộ đã lãnh đạo quân và dân địa phương kiên toàn hệ thống chính trị, xác định chính xác và kịp thời nhiệm vụ mới, đấu tranh giữ vững và phát triển phong trào du kích chiến tranh, mở rộng và xây dựng đời sống mọi mặt trong căn cứ địa, kết hợp tiến công quân sự với đấu tranh địch nguy vận, phát huy chiến quả từ thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ. Thành quả ấy, mặc nhiên, không thể tách rời những tác động sâu sắc, sự tạo điều kiện, tiếp sức của phong trào kháng chiến đang phát triển mạnh mẽ tại các chiến trường khác trên phạm vi cả nước; đồng thời phản ánh sự nỗ lực tự thân, tinh thần chủ động tự cường của Đảng bộ, quân và dân miền Đông Nam bộ. Xét riêng về quân sự, kết quả hoạt động của quân và dân miền Đông Nam bộ không làm thay đổi nhiều về cán cân lực lượng và cục diện chiến trường. Mặc dù vậy, không thể không nói rằng, thành quả ấy có giá trị “chia lửa”, tác động rất lớn đến tiến trình chung của chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược./.

---

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Quốc phòng – Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2016), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), tập 6*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- Bộ Tư lệnh Nam Bộ (1954), *Báo cáo kết quả hoạt động của ta trên chiến trường Nam Bộ Đông xuân 1953-1954*. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam bộ, hồ sơ 573.
- Bộ Tư lệnh Nam Bộ (1954), *Báo cáo tình hình địch ta 6 tháng đầu năm 1954 tại Nam bộ*. Lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LS.54.
- Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông (1953), *Báo cáo tại hội nghị quân-dân-chính-đảng Phân liên khu miền Đông Nam bộ 29-12-1953*, lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam Bộ, hồ sơ 53.
- Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông (1953), *Báo cáo tình hình tổ chức năm 1953*. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam Bộ (Bà Rịa - Chợ Lớn), hồ sơ 66.
- Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông (1953), *Nghị quyết án về căn cứ địa của miền Đông Nam Bộ*. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Nam Bộ, hồ sơ 56.
- Bộ Tư lệnh phân liên khu miền Đông (1954), *Báo cáo tình hình tổng quát phân liên khu miền Đông (từ 9-1953 đến 5-1954)*, lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7.
- Đặc khu ủy Sài - Chợ (1954), *Báo cáo gửi Trung ương Cục và Phân liên khu miền Đông về tình hình 4 tháng đầu năm 1954*, lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LSSGCL/54.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện quân sự của Đảng, tập 3 (1951-1954)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (2011), *Lịch sử miền Đông Nam bộ và cục Nam Trung bộ kháng chiến (1945-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Sơn Đài (2015), *Chiến tranh Nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược ở miền Đông Nam bộ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam bộ (2003), *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam bộ kháng chiến, tập 1 (1945-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.